

Phụ lục I
BẢNG CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỔI SỐ DÀNH CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ NỘI VỤ

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
1	Chuyển đổi nhận thức và cơ chế chính sách	40				
1.1	Tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trong Bộ, ngành Nội vụ	15				
1.1.1	Có chuyên mục/Tin bài về chuyển đổi số trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Bộ hoặc của đơn vị trực thuộc Bộ	5	<ul style="list-style-type: none"> - Có chuyên mục và tin bài trong chuyên mục trên Trang/Cổng TTĐT của đơn vị hoặc có tin bài gửi Cổng TTĐT Bộ Nội vụ về hoạt động chuyển đổi số của đơn vị: 1 điểm - Mỗi tin bài trong chuyên mục cộng 1 điểm, không quá điểm tối đa - Không có: 0 điểm 	Trích dẫn đường link	Đơn vị báo cáo	
1.1.2	Có các tài liệu tuyên truyền (quyển, tờ rơi, video clip, ...) về chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số liên quan ngành Nội vụ do đơn vị xây dựng	5	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi tài liệu cộng 1 điểm, Được cộng điểm không quá điểm tối đa - Không có: 0 điểm 	Gửi tài liệu tuyên truyền (sách, tờ rơi, tờ gấp, bản chụp áp phích, video clips, ...) hoặc báo cáo của đơn vị có thẩm quyền ban hành báo cáo	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
1.1.3	Tổ chức các hội thảo, hội nghị, cuộc họp (kể cả họp chi bộ) của cơ quan, đơn vị phổ biến kiến thức cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cấp về chuyển đổi số, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.	5	Đơn vị tổ chức mỗi một cuộc hội thảo, hội nghị, sinh hoạt chuyên đề về Chuyển đổi số được 01 điểm. Được cộng điểm không quá điểm tối đa Có biên bản, kết luận cuộc họp (điện tử có ký số)	Văn bản phê duyệt kế hoạch và các tài liệu về tổ chức hội nghị; giấy mời; tin bài trên báo, mạng về hội nghị, tập huấn. Hoặc có biên bản, kết luận cuộc họp có chữ ký số của lãnh đạo	Đơn vị báo cáo	
1.2	Sự quan tâm của người đứng đầu đơn vị về chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	15				
1.2.1	Có quyết định thành lập Tổ/bộ phận chuyển đổi số hoặc có bản phân công nhiệm vụ trong lãnh đạo đơn vị	5	- Có: điểm tối đa - Không: 0 điểm	Có văn bản hoặc tài liệu chứng minh đầy đủ; Có thể bằng hình thức: quyết định, kết luận giao ban, kế hoạch công tác, công văn, Bảng phân công nhiệm vụ của đơn vị...	Đơn vị báo cáo	
1.2.2	Số cuộc họp, hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số do thủ trưởng đơn vị, người đứng đầu các tổ chức đảng, đoàn thể của đơn vị chủ trì	5	- Mỗi cuộc họp, hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số được cộng 1 điểm. Được cộng không quá điểm tối đa	Văn bản phê duyệt kế hoạch và các tài liệu về tổ chức hội nghị; giấy mời; tin bài trên báo, mạng về hội nghị, tập huấn. Hoặc có biên bản, kết luận cuộc họp có chữ ký số của lãnh đạo	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
1.2.3	Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong đơn vị (Chính quyền, Công đoàn); có tiêu chí cụ thể; lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho tập thể, các nhân trong đơn vị	5	- Đã có: điểm tối đa. - Không có: 0 điểm	Văn bản phê duyệt về tổ chức phong trào thi đua/ Thông tin, tài liệu về tổ chức vinh danh; Có thể bằng hình thức: quyết định, kết luận giao ban, kế hoạch công tác, công văn, có quyết định tặng bằng khen, giấy khen	Đơn vị báo cáo	
1.3	Chủ trương, chiến lược, kế hoạch về Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị	10				
1.3.1	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số theo giai đoạn 2021-2025 của cơ quan, đơn vị	5	- Đã có: điểm tối đa. - Không có: 0 điểm	Có văn bản hoặc tài liệu chứng minh đầy đủ; Có thể bằng hình thức: quyết định, kết luận giao ban, kế hoạch công tác, công văn,...	Đơn vị báo cáo	
1.3.2	Trong các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chiến lược, đề án, dự án... do đơn vị chủ trì xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt có lồng ghép các nội dung liên quan đến ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số	5	- Đã có: điểm tối đa. - Không có: 0 điểm	Nộp các tài liệu, văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	
2	Hoàn thiện thể chế	30				
2.1	Kế hoạch, chương trình, đề án phát triển chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số theo năm của đơn vị	15				

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
2.1.1	Có chương trình, nhiệm vụ, đề án về chuyển đổi số, Chính phủ số, ứng dụng CNTT hoặc có đề án, dự án, nhiệm vụ được đăng ký trong Kế hoạch Chuyển đổi số hàng năm của Bộ	5	- Có chương trình, nhiệm vụ, đề án: Điểm tối đa - Không có chương trình, nhiệm vụ, đề án: 0 điểm	Có văn bản hoặc tài liệu chứng minh đầy đủ; Có thể bằng hình thức: quyết định, kết luận giao ban, kế hoạch công tác, công văn,...	Đơn vị báo cáo	
2.1.2	Các văn bản khác liên quan đến phát triển Chính phủ số thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý	10	- Mỗi văn bản liên quan được ban hành được cộng 2 điểm, được cộng điểm không quá điểm tối đa; - Không có: 0 điểm;	Có văn bản hoặc tài liệu chứng minh đầy đủ; Có thể bằng hình thức: quyết định, kết luận giao ban, kế hoạch công tác, công văn,...	Đơn vị báo cáo	
2.2	Hành lang pháp lý, cơ chế chính sách, quy phạm pháp luật pháp để chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trong ngành, lĩnh vực	15				
2.2.1	Ban hành quy chế quản lý vận hành các ứng dụng CNTT, nền tảng số mà đơn vị chủ trì xây dựng, quản lý vận hành.	5	- Có: điểm tối đa - Không: 0 điểm	Quyết định ban hành Quy chế quản lý vận hành các ứng dụng CNTT, nền tảng số	Đơn vị báo cáo	
2.2.2	Ban hành kế hoạch và triển khai việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của đơn vị	5	- Có: điểm tối đa - Không: 0 điểm	Quyết định ban hành việc triển khai số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực của đơn vị	Đơn vị báo cáo	
2.2.3	Quy định về quy trình, phân công công chức, viên chức tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các báo cáo, hướng dẫn chế độ thống kê, báo cáo liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của đơn vị	5		Có văn bản hoặc tài liệu chứng minh đầy đủ; Có thể bằng hình thức: quyết định, kết	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
				luyện giao ban, kế hoạch công tác, công văn, Bảng phân công nhiệm vụ của đơn vị...		
3	Hạ tầng và nền tảng số	30				
3.1	Trang bị máy tính cho CBCC (gồm cả máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)	15				
3.1.1	Tỷ lệ CBCCVC tại đơn vị được trang bị máy tính	5	- Tổng số CBCCVC của đơn vị (gọi là a) - Tổng số máy tính của đơn vị (gọi là b) - Điểm = (b/a)*Điểm tối đa	Biên bản bàn giao thiết bị hoặc Báo cáo kiểm tra hàng năm của Bộ	Đơn vị báo cáo	
3.1.2	Đơn vị có trang bị máy quét (scan) tài liệu không? hoặc sử dụng công cụ, tiện ích số hóa không?	5	- Đã có: Điểm tối đa - Không có: 0 điểm	Biên bản bàn giao thiết bị hoặc Báo cáo kiểm tra hàng năm của Bộ	Đơn vị báo cáo	
3.1.3	Đơn vị có máy tính, máy in không kết nối Internet dùng riêng cho STVBM không?	5	- Có máy tính: 1/2 số điểm tối đa - Có cả máy tính và máy in: Được điểm tối đa - Không có: 0 điểm	Biên bản bàn giao thiết bị hoặc Báo cáo kiểm tra hàng năm của Bộ	Đơn vị báo cáo	
3.2	Điện toán đám mây (Cloud Computing):	5				
	Đơn vị có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Bộ để phục vụ công việc không?	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Công văn của đơn vị yêu cầu sử dụng dịch vụ điện toán đám mây của Bộ hoặc liệt kê các dịch vụ	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
3.3	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp đơn vị (LGSP)	10				
3.3.1	Phần mềm, CSDL, nền tảng số mà đơn vị đang chủ trì xây dựng có kết nối dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương qua trục LGSP	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Nộp tài liệu kiểm chứng (Thuyết minh thiết kế hệ thống hoặc quyết định phê duyệt thiết kế hoặc Hợp đồng mua bán phần mềm).	Đơn vị báo cáo	
3.3.2	Liệt kê các ứng dụng, CSDL của đơn vị được kết nối, sử dụng qua LGSP	5	Mỗi 1 ứng dụng, CSDL được cộng 1 điểm, điểm cộng không vượt quá điểm tối đa	Công văn của đơn vị yêu cầu sử dụng nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của Bộ	Đơn vị báo cáo	
4	Thông tin và Dữ liệu số	45				
4.1	Sự sẵn sàng của dữ liệu	15				
4.1.1	Có CSDL quốc gia hoặc chuyên ngành mà đơn vị chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, khai thác, thụ hưởng nằm trong Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số hàng năm của Bộ không?	3	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Quyết định, kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ trong đó có tên CSDL do đơn vị chủ trì hoặc phối hợp xây dựng	Đơn vị báo cáo	
4.1.2	Tỷ lệ số CSDL trong Danh mục CSDL của mà đơn vị chủ trì xây dựng có quy chuẩn hoặc quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu, quy chế, quy trình khai thác, sử dụng, trao đổi, chia sẻ dữ liệu để xây dựng do Bộ ban hành.	4	- Danh mục CSDL mà đơn vị chủ trì xây dựng (gọi là a) - Danh mục CSDL mà đơn vị chủ trì xây dựng có quy chuẩn hoặc quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu, quy chế, quy trình khai thác...(gọi là b) - Điểm $= (b/a) * \text{điểm tối đa}$	Nộp Quyết định hoặc các văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
4.1.3	Tỷ lệ số CSDL trong Danh mục CSDL của đơn vị chủ trì xây dựng, được nghiệm thu và đưa vào vận hành, khai thác	4	- Danh mục CSDL mà đơn vị chủ trì xây dựng (gọi là a) - Số CSDL của đơn vị được nghiệm thu và đưa vào vận hành, khai thác gọi là b - Điểm $= (b/a) * \text{điểm tối đa}$	Nộp Quyết định hoặc các văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	
4.1.4	Tỷ lệ dữ liệu, biểu ghi đã cập nhật so với yêu cầu phải thu thập, quản lý	4	- Có đủ 100%: Điểm tối đa; - Không đủ: 1/2 điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Báo cáo hoặc kiểm tra trực tiếp	Đơn vị báo cáo	
4.2	Kết nối, chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở	20				
4.2.1	Tỷ lệ CSDL trong Danh mục CSDL của đơn vị đã triển khai kết nối, chia sẻ với LGSP	5	- Tổng số CSDL trong Danh mục CSDL của đơn vị = a; - Số lượng CSDL trong Danh mục CSDL của đơn vị đã triển khai kết nối, chia sẻ với LGSP = b; - Tỷ lệ = b/a - Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	Nộp tài liệu kiểm chứng (Thuyết minh thiết kế hệ thống hoặc quyết định phê duyệt thiết kế, báo cáo năm...)	Đơn vị báo cáo	
4.2.2	Tỷ lệ CSDL trong Danh mục CSDL của đơn vị đã triển khai kết nối, chia sẻ với NGSP	5	- Tổng số CSDL trong Danh mục CSDL của đơn vị = a; - Số lượng CSDL của đơn vị đã triển khai kết nối, chia sẻ với NGSP = b; - Tỷ lệ = b/a - Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	Nộp tài liệu kiểm chứng (Thuyết minh thiết kế hệ thống hoặc quyết định phê duyệt thiết kế, báo cáo năm...)	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
4.2.3	Tỷ lệ CSDL đã kết nối LGSP, NGSP để khai thác dữ liệu phục vụ xây dựng CSDL	5	- Tổng số CSDL trong Danh mục CSDL của đơn vị = a; - Số lượng CSDL của đơn vị đã kết nối LGSP, NGSP để khai thác dữ liệu = b; - Tỷ lệ = b/a - Điểm = Tỷ lệ* Điểm tối đa	Nộp tài liệu kiểm chứng (Thuyết minh thiết kế hệ thống hoặc quyết định phê duyệt thiết kế, báo cáo năm...)	Đơn vị báo cáo	
4.2.4	Tỷ lệ CSDL đã cung cấp cho các Bộ, ngành khác khai thác (Dữ liệu mở)	5	- Tổng số CSDL trong Danh mục CSDL của đơn vị = a; - Số lượng CSDL của đơn vị đã cung cấp cho các Bộ, ngành khác khai thác = b; - Tỷ lệ = b/a - Điểm = Tỷ lệ* Điểm tối đa	Nộp tài liệu kiểm chứng (Thuyết minh thiết kế hệ thống hoặc quyết định phê duyệt thiết kế, báo cáo năm...)		
4.3	Dữ liệu lớn và công cụ phân tích dữ liệu lớn	10				
4.3.1	Đơn vị có sử dụng nền tảng dữ liệu lớn (Big data) và công cụ phân tích dữ liệu lớn phục vụ chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo điều hành, cung cấp dịch vụ số	5	- Có bigdata, có công cụ: Điểm tối đa; - Có bigdata, không có công cụ: ½ điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Nộp các tài liệu, văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	
4.3.2	Phần mềm, CSDL, nền tảng số đã cung cấp cho các cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng.	5	Liệt kê phần mềm, CSDL, mỗi phần mềm được cộng 1 điểm, được cộng điểm không quá điểm tối đa	Nộp các tài liệu, văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	
5	Hoạt động của Chuyển đổi số	200				
5.1	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	35				

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
5.1.1	Tỷ lệ văn bản đi của đơn vị được ký trực tiếp trên phần mềm	10	- Tổng số văn bản đi của đơn vị (trừ văn bản mật) (gọi là a). - Tổng số văn bản đi của đơn vị được ký trực tiếp trên phần mềm (gọi là b). - Điểm= (b/a) * Điểm tối đa	- Văn thư đơn vị chụp màn hình trích xuất dữ liệu	Đơn vị báo cáo	
5.1.2	Tỷ lệ văn bản của đơn vị đã trả lời đúng hạn trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản (%):	10	- Tổng số văn bản đến phải trả lời gọi là: a - Tổng số văn bản đã trả lời đúng hạn gọi là: b - Điểm= (b/a) * Điểm tối đa	- Văn thư đơn vị chụp màn hình trích xuất dữ liệu	Đơn vị báo cáo	
5.1.3	Tỷ lệ tài khoản phần mềm quản lý văn bản được cấp trên tổng số công chức, viên chức, người lao động của đơn vị (%):	10	- Tổng số công chức, viên chức, người lao động gọi là: a - Tổng số công chức, viên chức, người lao động được cấp tài khoản gọi là: b - Điểm= (b/a) * Điểm tối đa	- Văn thư đơn vị chụp màn hình trích xuất dữ liệu	Đơn vị báo cáo	
5.1.4	Đơn vị đã tạo lập hồ sơ lưu trữ điện tử chưa?	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	- Văn thư đơn vị chụp màn hình trích xuất dữ liệu	Đơn vị báo cáo	
5.2	Chữ ký điện tử, chữ ký số	15				
5.2.1	Tỷ lệ công chức, viên chức, người lao động được cấp chứng thư số	10	- Tổng công chức, viên chức, người lao động gọi là: a - Tổng công chức, viên chức, người lao động được cấp chứng thư số gọi là: b - Điểm= (b/a) * Điểm tối đa	Trung tâm Thông tin tổng hợp danh sách CCVCNLD của đơn vị được cấp Usb Token	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
5.2.2	Khi đơn vị có người nghỉ hưu, thôi việc, thay đổi vị trí công tác, thay đổi đơn vị, đơn vị có báo cho bộ phận quản lý USB Token để thu hồi, thay đổi USB Token không?	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Nộp biên bản bàn giao lại USB Token	Đơn vị báo cáo	
5.3	Các ứng dụng cơ bản	30				
5.3.1	Liệt kê các các phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn, nghiệp vụ mà đơn vị đang sử dụng:	10	Mỗi phần mềm được cộng 2 điểm, được cộng điểm không quá điểm tối đa.	Nộp tài liệu kiểm chứng (Thuyết minh thiết kế hệ thống hoặc quyết định phê duyệt thiết kế hoặc Hợp đồng mua bán phần mềm....) hoặc báo cáo, văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	
5.3.2	Phần mềm cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước (phần mềm CSDL CBCCVC)	10			Đơn vị báo cáo	
	Tỷ lệ CBCCVC đã nhập dữ liệu, in và được phê duyệt cập nhật dữ liệu chính thức vào CSDL của Bộ Nội vụ	5	- Tổng số CCVC gọi là a - Số lượng CCVC đã nhập dữ liệu, in và được phê duyệt gọi là b - Tỷ lệ: b/a - Điểm = (b/a)*Điểm tối đa	Các đơn vị chiết xuất từ phần mềm hoặc nộp các báo cáo có tính pháp lý	Đơn vị báo cáo	
	Dữ liệu được bổ sung, cập nhật đầy đủ khi có biến động vào phần mềm; Dữ liệu trong CSDL được trích xuất, khai thác, sử dụng thay thế bản giấy trong công tác quản lý, sử dụng CCVC	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Báo cáo của đơn vị có tính pháp lý	Đơn vị báo cáo	
5.3.3	Phần mềm quản lý việc thực hiện nhiệm vụ Bộ trưởng giao	10			Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
	Tỷ lệ nhiệm vụ đúng hạn trên tổng số nhiệm vụ được giao (%):	5	- Tổng số nhiệm vụ được giao gọi là: a - Tổng số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn gọi là: b - Điểm= (b/a)*Điểm tối đa	Báo cáo thống kê của Văn phòng Bộ	Đơn vị báo cáo	
	Đơn vị có cập nhật tiến độ công việc được giao lên phần mềm quản lý việc thực hiện nhiệm vụ Bộ trưởng giao không?	5	- Có cập nhật đầy đủ: Được điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ: Được 1/2 điểm tối đa - Không cập nhật: Không có điểm	Báo cáo thống kê của Văn phòng Bộ	Đơn vị báo cáo	
5.4	Hệ thống thông tin báo cáo - thống kê	5				
	Tỷ lệ báo cáo được điện tử hóa và cập nhật dữ liệu đầy đủ (100%), thường xuyên để phục vụ thống kê, báo cáo của đơn vị	5	- Tổng số biểu mẫu báo cáo của đơn vị= a; - Số lượng biểu mẫu báo cáo đã điện tử hóa = b; - Tỷ lệ = b/a - Điểm = Tỷ lệ* Điểm tối đa	Báo cáo của đơn vị có tính pháp lý	Đơn vị báo cáo	
5.5	Hội nghị truyền hình trực tuyến	10			Đơn vị báo cáo	
5.5.1	Tỷ lệ cuộc họp nội bộ (Giao ban, chuyên môn, chuyên đề, chỉ bộ...) do lãnh đạo đơn vị chủ trì	5	- Tổng số cuộc họp của đơn vị= a; - Số lượng cuộc họp trực tuyến nội bộ = b; - Tỷ lệ = b/a - Điểm = Tỷ lệ* Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng gồm: Kế hoạch; Giấy mời; hoặc hợp đồng thuê, mua dịch vụ hoặc biên bản bàn giao hoặc các kênh thông tin khác	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
5.5.2	Tỷ lệ cuộc họp với các bộ, ngành, địa phương mà nội dung liên quan đến đơn vị chuẩn bị nội dung	5	- Tổng số cuộc họp của đơn vị với các bộ, ngành, địa phương = a; - Số lượng cuộc họp trực tuyến của đơn vị với các bộ, ngành, địa phương = b; - Tỷ lệ = b/a - Điểm = Tỷ lệ* Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng gồm: Kế hoạch; Giấy mời; hoặc hợp đồng thuê, mua dịch vụ hoặc biên bản bàn giao hoặc các kênh thông tin khác	Đơn vị báo cáo	
5.6	Hệ thống PAKN người dân, doanh nghiệp	5				
	Tỷ lệ trả lời PAKN người dân và doanh nghiệp	5	- Tổng số PAKN của đơn vị là a - số lượng PAKN của đơn vị đã trả lời đúng hạn là b - Tỷ lệ: b/a - Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	- Báo cáo có tính pháp lý của đơn vị hoặc Báo cáo của trung tâm Thông tin	Đơn vị báo cáo	
5.7	Dịch vụ công	25				
5.7.1	Đơn vị có DVC mức 4 kết nối với cổng DVC quốc gia	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm		Đơn vị báo cáo	
5.7.2	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3	5	- Tổng số dịch vụ công của đơn vị (gọi là a); - Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đang cung cấp (gọi là b); - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là b/a; *. Điểm tỷ lệ DVCTT mức độ 3 được tính như sau: + Nếu tỷ lệ DVCTT mức độ 3 từ 80% trở lên thì đạt Điểm tối đa; + Nếu tỷ lệ DVCTT mức độ 3	- Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị trực thuộc Bộ	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
			dưới 80% thì tính theo công thức: - Điểm= (b/a)*Điểm tối đa			
5.7.3	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4	5	- Tổng số dịch vụ công của đơn vị (gọi là a); - Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đang cung cấp (gọi là b); - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là b/a *. Điểm tỷ lệ DVCTT mức độ 4 được tính như sau: + Nếu tỷ lệ DVCTT mức độ 4 từ 80% trở lên thì đạt Điểm tối đa; + Nếu tỷ lệ DVCTT mức độ 4 dưới 80% thì tính theo công thức: - Điểm= (b/a)*Điểm tối đa	- Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công	Đơn vị báo cáo	
5.7.4	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3 có phát sinh HSTT	5	- Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đang cung cấp (gọi là a); - Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có phát sinh HSTT (gọi là b); - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có phát sinh HSTT: b/a *. Điểm tỷ lệ DVCTT mức độ 3 có phát sinh HSTT được tính như sau: + Từ 70% trở lên: Điểm tối đa + Dưới 70%: Điểm = (b/a)* Điểm tối đa	- Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
5.7.5	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 có phát sinh HSTT	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đang cung cấp (gọi là a); - Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh HSTT (gọi là b); - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh HSTT là: b/a *. Điểm tỷ lệ DVCTT mức độ 4 có phát sinh HSTT được tính như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 70% trở lên: Điểm tối đa + Dưới 70%: Điểm = $(b/a)*$ Điểm tối đa 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công 	Đơn vị báo cáo	
5.8	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	25				
5.8.1	Tỷ lệ thủ tục hành chính của đơn vị đã được đưa lên Hệ thống một cửa điện tử của Bộ	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số thủ tục hành chính của đơn vị gọi là : a - Tổng số thủ tục hành chính đã được đưa lên hệ thống Một cửa của Bộ gọi là: b -Điểm = $(b/a)*$Điểm tối đa 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công, TTHC 	Đơn vị báo cáo	
5.8.2	Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết đúng hạn trong năm (%):	5	<ul style="list-style-type: none"> -Tổng số hồ sơ trong năm gọi là: a - Tổng số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn trong năm gọi là: b -Điểm = $(b/a)*$Điểm tối đa 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công, TTHC 	Đơn vị báo cáo	
5.8.3	Đơn vị có thực hiện đầy đủ các hình thức công khai thủ tục hành chính theo quy định không?	5	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai đầy đủ: Được điểm tối đa 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo từ Văn phòng Bộ 	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
			- Công khai không đầy đủ: Được 1/2 điểm tối đa - Không công khai: 0 điểm	- Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công, TTHC		
5.8.4	Tỷ lệ trung bình hồ sơ được công khai kết quả/tổng số hồ sơ giải quyết trong năm, trên trang/cổng Dịch vụ công của đơn vị (%):	5	- Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm gọi là: a - Tổng số hồ sơ được công khai kết quả gọi là: b - Điểm = (b/a)*Điểm tối đa	- Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công, TTHC	Đơn vị báo cáo	
5.8.5	Tỷ lệ TTHC của đơn vị đã được cắt giảm trong năm	5	- Tổng số TTHC của đơn vị (gọi là a); - Tổng số TTHC của đơn vị đã được cắt giảm gọi là b - Điểm = (b/a)*Điểm tối đa	- Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công, TTHC	Đơn vị báo cáo	
5.9	Nền tảng thanh toán trực tuyến, di động	10				
5.9.1	Tỷ lệ số dịch vụ công trực tuyến của đơn vị có tích hợp, hỗ trợ thanh toán trực tuyến	5	- Tổng số dịch vụ công trực tuyến có thu phí của đơn vị (gọi là a); - Tổng số dịch vụ công trực tuyến có thu phí của đơn vị và được tích hợp, hỗ trợ thanh toán trực tuyến (gọi là b) - Điểm = (b/a) *Điểm tối đa	- Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công, TTHC	Đơn vị báo cáo	
5.9.2	Tỷ lệ số dịch vụ công trực tuyến của đơn vị có kết nối, hỗ trợ thanh toán qua hệ thống hỗ trợ thanh toán quốc gia PayGov	5	- Tổng số dịch vụ công trực tuyến có thu phí của đơn vị (gọi là a) - Tổng số dịch vụ công trực tuyến có thu phí của đơn vị và được kết nối, hỗ trợ thanh toán qua hệ thống hỗ trợ thanh toán quốc gia PayGov (gọi là b) - Điểm = (b/a) *Điểm tối đa	- Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công, TTHC	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
5.10	Mức độ hài lòng khi sử dụng DVCTT	5				
	DVCTT của đơn vị có phân đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức khi sử dụng không	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	- Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công, TTHC	Đơn vị báo cáo	
5.11	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	15				
5.11.1	Tỷ lệ TTHC của đơn vị đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	5	Trong danh mục TTHC đang triển khai tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI, tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI. - Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận/trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện dịch vụ BCCI (gọi là a) - Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 50% trở lên đạt: Điểm tối đa; + Dưới 50% đạt: Điểm tối đa * (a/ 50%) điểm.	- Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công	Đơn vị báo cáo	
5.11.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC của đơn vị được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	5	+ Xác định các TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.	- Báo cáo từ Văn phòng Bộ	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> + Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên. + Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên - Nếu tỷ lệ đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 5% trở lên đạt: Điểm tối đa; + Dưới 5% đạt: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công, TTHC 		
5.11.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC của đơn vị được trả qua dịch vụ BCCI	5	<ul style="list-style-type: none"> + Xác định các TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ. + Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên. + Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên - Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 20% trở lên đạt: Điểm tối đa; + Dưới 20% đạt: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo từ Văn phòng Bộ - Báo cáo của các đơn vị có dịch vụ công 	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
5.12	Số hóa và lưu trữ tài liệu điện tử	20				
5.12.1	Đơn vị đã xây dựng kho lưu trữ hồ sơ điện tử	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Nộp các tài liệu, văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	
5.12.2	Đơn vị đã triển khai hệ thống/phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ điện tử	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Nộp các tài liệu, văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	
5.12.3	Đơn vị có ban hành quy chế/quy trình sử dụng hệ thống/phần mềm lưu trữ không?	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Nộp Quyết định ban hành Quy chế/ Quy trình hoặc các văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	
5.12.4	Hệ thống/ Phần mềm lưu trữ có được tích hợp với phần mềm quản lý văn bản và điều hành của Bộ? và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có: 0 điểm	Nộp các tài liệu, văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	
6	An toàn, an ninh mạng	25				
6.1	Cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị có tuân thủ đúng Nội quy, quy chế về việc bảo đảm an toàn thông tin mạng không?	5	- Có: Điểm tối đa; - Không có hoặc có sự cố về ATTT: 0 điểm	Các văn bản liên quan có tính pháp lý của đơn vị: báo cáo, công văn....	Đơn vị báo cáo	
6.2	Tỷ lệ máy tính được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc	10	- Tổng số máy tính của đơn vị gọi là a - Tổng số máy tính của đơn vị đã được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc gọi là b - Điểm = (b/a) * Điểm tối đa	Các văn bản, báo cáo liên quan	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
6.3	Tỷ lệ công chức, viên chức, người lao động của đơn vị tham gia các khóa học về CNTT, an toàn, bảo mật thông tin (%):	10	- Tổng số công chức, viên chức, người lao động của đơn vị gọi là a - Tổng số công chức, viên chức, người lao động của đơn vị tham gia các khóa học về CNTT, an toàn, bảo mật thông tin gọi là b - Tỷ lệ = b/a - Điểm = (b/a) * Điểm tối đa	Các văn bản, báo cáo liên quan	Đơn vị báo cáo	
7	Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực	30				
7.1	Đơn vị đã có chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho CBCCVC trong đơn vị	6	- Có chương trình, kế hoạch đào tạo và đã triển khai: điểm tối đa - Có chương trình, kế hoạch đào tạo nhưng chưa triển khai: 1/2 điểm tối đa - Không có: 0 điểm	Nộp kế hoạch hoặc các văn bản liên quan	Đơn vị báo cáo	
7.2	Tỷ lệ lãnh đạo của đơn vị tham gia ít nhất 1 khoá đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số do Bộ Nội vụ hoặc do đơn vị tổ chức	6	- Tổng số lãnh đạo đơn vị + Tổng số lãnh đạo cấp phòng ban gọi là a Tổng số lãnh đạo đã tham gia khóa đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số do đơn vị tổ chức gọi là b - Tỷ lệ = b/a - Điểm = (b/a) * Điểm tối đa	Văn bản cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng hoặc báo cáo kết quả khóa học	Đơn vị báo cáo	
7.3	Tỷ lệ CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của đơn vị	6	- Tổng số CBCCVC được gọi là a - Tổng số CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin gọi là b - Điểm = (b/a) * Điểm tối đa	Văn bản cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng hoặc báo cáo kết quả khóa học	Đơn vị báo cáo	

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Nguồn thu thập dữ liệu	Ghi chú
7.4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, khai thác các dữ liệu số.	6	- Tổng số CBCCVC được gọi là a - Tổng số CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, khai thác các dữ liệu số gọi là b - Điểm = (b/a) * Điểm tối đa	Văn bản cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng hoặc báo cáo kết quả khoá học	Đơn vị báo cáo	
7.5	Đơn vị có cử công chức, viên chức, người lao động tham gia các khóa học trực tuyến (eLearning) không?	6	- Có: Điểm tối đa - Không: 0 điểm	Văn bản cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng hoặc báo cáo kết quả khoá học (học ở trong và ngoài Bộ)	Đơn vị báo cáo	
	Tổng	400				